

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TẠI CÁC QUỐC GIA BẮC ÂU VÀ KINH NGHIỆM VẬN DỤNG VÀO VIỆT NAM

Lương Khánh Lương¹

Tóm tắt. Các nước Bắc Âu được xem là các quốc gia có nền giáo dục phát triển cao trên thế giới. Quốc gia Phần Lan, Đan Mạch và Thụy Điển đều được công nhận là 3 trong số những nền giáo dục hiện đại và thành công nhất trên thế giới. Hệ thống giáo dục của các quốc gia này hướng tới mục tiêu phát triển con người toàn diện và có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường sống. Vì vậy, quá trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên luôn được chính phủ đặc biệt quan tâm sâu sắc và được thiết kế xây dựng rất có hệ thống. Bài viết này, tác giả tập trung tìm hiểu về hình thức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại các quốc gia Bắc Âu, từ đó, đề xuất hướng vận dụng vào Việt Nam.

Từ khóa: Giáo dục hiện đại, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giáo dục Bắc Âu.

1. Kinh nghiệm đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ở một số nước Bắc Âu

Bắc Âu được xem là khu vực có nền giáo dục phát triển cao trên thế giới. Xem xét giáo dục tại 3 nước Phần Lan, Đan Mạch và Thụy Điển, chúng ta thấy rằng, điểm chung nhất trong hệ thống giáo dục tại 3 quốc gia này đều rất chú trọng vào việc đào tạo sư phạm và có những yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên. Trong tiếng Phần Lan, giáo viên còn được gọi là “kansankynttilä”, nghĩa là người mang nền, hay ánh nền cho mọi người. Trong những năm trở lại đây, khi hệ thống giáo dục Phần Lan được xem là bậc nhất thế giới, giáo viên là ngành nghề có vị trí cao trong xã hội đất nước Bắc Âu này, cũng như người Việt từ bao đời nay “tôn sư trọng đạo”. Ở Phần Lan, giáo viên được coi là “những người mang văn minh đến ngôi làng nhỏ”. Chính vì vậy, họ được yêu cầu rất cao. Tất cả giáo viên phải đạt chuẩn và trải qua một chương trình đào tạo sư phạm nghiêm túc.

Trước khi trở thành giáo viên, đầu tiên họ phải thi đậu vào các ngành sư phạm ở bất kỳ một trong bảy đại học trong toàn quốc. Sau kỳ thi quốc gia hoặc kỳ thi nghề tương đương, vòng thi tuyển chọn giáo viên quốc gia diễn ra. Giáo viên đứng lớp phải dự kỳ thi trắc nghiệm VAKAVA (mạng lưới tuyển chọn cấp quốc gia trong lĩnh vực giáo dục) và bài kiểm tra năng lực. Ngược lại, giáo viên bộ môn phải tham gia bài thi viết về môn chuyên và cả kiểm tra năng lực.

Ở Phần Lan, ngành sư phạm rất được ưa chuộng, nên tỷ lệ chọi để trở thành sinh viên sư phạm cạnh tranh rất khốc liệt. Năm 2017, trên 6500 thí sinh thi ngành giáo viên tiểu học. Riêng Đại học Jyväskylä - đại học đi đầu về Giáo dục và Nghiên cứu ở đất nước này có 1760 thí sinh; tuy nhiên, chỉ 80 em được chọn. Tiêu chí chọn thí sinh rất thú vị: 1/4 trong số học sinh đậu là top 20% từ trên xuống theo điểm thi, 1/4 được chọn từ số nửa từ dưới lên, và 1/2 còn lại là nằm trong khoảng từ 51-80 điểm trên thang 100 điểm. Không phải các thí sinh xuất sắc nhất hoặc thông minh nhất

Ngày nhận bài: 10/08/2017. Ngày nhận đăng: 06/10/2017.

¹Phòng Hợp tác quốc tế và Phát triển dự án, Học viện Quản lý giáo dục;
e-mail: khanhluong1407@gmail.com.

thì sẽ được chọn. Ứng cử viên được chọn từ một phổ điểm đa dạng và điều quan trọng nhất, phải thể hiện được đam mê sư phạm của họ qua các vòng thi. Đặc thù của ngành sư phạm là bao gồm lý thuyết và thực hành. Ở đây, sinh viên không những đi thực tập mà họ phải đến các trường đào tạo giáo viên để tích lũy kinh nghiệm giảng dạy. Kiến thức sư phạm không thể tách khỏi kiến thức chuyên ngành và phải dựa trên nền tảng nghiên cứu. Từ ghế đại học, các giáo viên tương lai được đào tạo những kỹ năng học tập không ngừng và một thái độ học tập suốt đời. Hơn nữa, họ được dạy cách chia sẻ kiến thức, kỹ năng để kết nối trong cộng đồng giáo viên và những người làm giáo dục trong nước cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, giáo viên được tự chủ về phương pháp dạy, tài liệu dạy học và cách tổ chức chương trình.

Một quốc gia Bắc Âu khác là Đan Mạch có một hệ thống đào tạo sư phạm thống nhất, đào tạo một nhóm giáo viên để họ có khả năng phụ trách toàn bộ thời gian học bắt buộc kéo dài 9 năm, đồng thời có chuyên môn tối thiểu trong các môn học. Giáo viên được phân biệt rõ ràng giữa giáo viên tiểu học, trung học với các loại giáo viên khác. Quá trình đào tạo giáo viên mất khoảng 4 năm, gồm nghiên cứu lý thuyết và thực hành. Chương trình giảng dạy sư phạm gồm nhiều môn học chính như tiếng Đan Mạch, tâm lý học, sư phạm, nghiên cứu xã hội, tôn giáo... Hiện tại, quốc gia này có 18 trường có các khóa đào tạo sư phạm.

2. Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến hết năm học 2016 - 2017, Việt Nam có 14 trường đại học sư phạm, 33 trường cao đẳng sư phạm và 02 trường trung cấp sư phạm. Bên cạnh đó có một số trường đại học, cao đẳng đa ngành có Khoa đào tạo về sư phạm. Mỗi năm, chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường sư phạm khoảng hơn 50,000 sinh viên các hệ từ trung cấp đến đại học (năm 2017 là 55,600 chỉ tiêu). Sinh viên sư phạm học ở trình độ đại học trong 4 năm; hệ cao đẳng là 3 năm và hệ trung cấp là 2 năm. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân đại học sư phạm giảng dạy ở khối các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở hoặc tiểu học, mầm non; cử nhân cao đẳng sư phạm giảng dạy ở khối các trường trung học cơ sở và tiểu học, mầm non... Trước bối cảnh cần phải nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và giảm thiểu lượng sinh viên sư phạm tốt nghiệp không có việc làm, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến sẽ thành lập 8 - 10 trung tâm có quy mô lớn về đào tạo giáo viên và các hệ thống các trường vệ tinh. Theo tinh thần Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về việc đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục thì việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý được đặt lên vị trí hàng đầu.

Bài viết này, tác giả chỉ muốn đề cập và giới thiệu một cách khái quát về bức tranh đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại Việt Nam, từ đó chỉ ra những thành tựu, thách thức, bất cập và cơ hội hợp tác với các quốc gia khác (đặc biệt là các nước có nền giáo dục phát triển cao như ở khu vực Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan).

2.1. Những ưu điểm

Có thể khẳng định rằng, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp sư phạm đã và đang đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực giáo viên đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Trình độ giáo viên các cấp đáp ứng chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định của Chính phủ (tính theo các chỉ số về trình độ đào tạo, bằng cấp). Tất cả các chức danh nghề nghiệp trình độ từ giáo viên mầm non đến trung học phổ thông đều đã được xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo cụ thể để đào tạo, lựa chọn, sàng lọc và bổ nhiệm.

Chính phủ đã và đang quan tâm đầu tư một lượng ngân sách khá lớn (chiếm khoảng 20% tổng chi ngân sách của Chính phủ hàng năm). Chính phủ Việt Nam xác định rằng giáo dục là quốc sách hàng đầu, vì vậy cần tập trung mọi nguồn lực cho sự nghiệp phát triển giáo dục, trong đó ưu tiên trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Hiện nay, có hai trường sư phạm được nhà nước đầu tư mọi

nguồn lực để xây dựng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Có nhiều chương trình dự án được Chính phủ và các tổ chức quốc tế tài trợ để nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên như: Chương trình hợp tác Việt Nam - Singapore đã bồi dưỡng cho hơn 30,000 lượt giáo viên và cán bộ quản lý trường phổ thông; dự án hỗ trợ cho học sinh vùng khó khăn nhất (trong đó có hỗ trợ về bồi dưỡng giáo viên); dự án ETEP - Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông do World Bank tài trợ. . .

Giảng viên tại các trường sư phạm, đặc biệt ở các trường sư phạm trọng điểm có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm tỷ lệ cao so với mặt bằng chung của các trường đại học ở Việt Nam. Trong đó có khá nhiều giảng viên được đào tạo trình độ tiến sĩ từ các nước có nền giáo dục phát triển cao trên thế giới như châu Âu, Mỹ... Lực lượng giảng viên này ít nhiều đã góp phần tạo “cú hích” về sự thay đổi và đột phá về phương pháp giảng dạy tiên tiến, nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên sư phạm. Tuy vậy, số lượng giảng viên ở các trường sư phạm được đào tạo ở các nước có nền giáo dục tiên tiến chưa nhiều. Rào cản lớn nhất đối với giảng viên là khả năng ngoại ngữ để tiếp cận với cơ hội học tập, hợp tác quốc tế, tiếp cận các tri thức mới từ các nền giáo dục tiên tiến khác.

Hiện nay, ở Việt Nam, sinh viên tham gia học ngành sư phạm được Chính phủ tài trợ hoàn toàn về học phí, được cấp học bổng nếu kết quả học tập tốt. Chính sách về miễn học phí và tài trợ về học bổng phần nào đã khuyến khích được học sinh tốt nghiệp cấp 3 dự thi tuyển chọn trở thành sinh viên sư phạm. Tuy vậy, chính sách này giai đoạn đầu (cách đây 20 năm) đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc tuyển lựa sinh viên sư phạm nhưng hiện nay đã bộc lộ một số hạn chế cần điều chỉnh.

Chương trình đào tạo sinh viên sư phạm được các trường đại học, cao đẳng và trung cấp được thiết kế tương đối khoa học, hợp lý, hiện đại với 3 khối kiến thức: kiến thức đại cương; kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành và thực tập, thực tế. Trong đó, tỷ trọng về thời gian dành cho thực tập, thực tế chiếm khoảng 25% tổng số tín chỉ của toàn bộ chương trình học. Nội dung các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế và xây dựng theo hướng tiên tiến, hiện đại và mang tính “mở” cho người học. Có sự gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết được giảng dạy trong trường đại học với Hai trường sư phạm trọng điểm của quốc gia đều có hệ thống trường phổ thông trực thuộc trường để tạo cơ hội và môi trường thực hành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm. Các trường sư phạm khác đều có những hợp tác với các cơ sở giáo dục phổ thông để gửi sinh viên của mình đến rèn luyện kỹ năng nghề. Sinh viên sư phạm được tiếp cận thực hành thực tế ngay từ năm thứ hai của chương trình học. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, chất lượng đào tạo và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm đáng là tin cậy và một phần đáp ứng được yêu cầu với thực tiễn trường phổ thông.

Một trong những thành tựu của công tác đào tạo giáo viên hiện nay ở Việt Nam là tất cả giáo viên đều được tham gia đào tạo lại (retraining) theo chu kỳ hoặc thường xuyên. Nội dung của đào tạo lại liên quan nhiều đến việc cập nhật các kiến thức mới và phương pháp giảng dạy hiện đại, tiên tiến. Hình thức tổ chức đào tạo là khá đa dạng phù hợp với nhu cầu thực tế và tình hình thực tiễn của địa bàn. Giáo viên có thể đến các trường đại học sư phạm hoặc cao đẳng sư phạm để tham gia bồi dưỡng hoặc được giảng viên, chuyên gia của các trường đại học sư phạm đến tận địa phương đào tạo. Mô hình đào tạo cán bộ quản lý giáo dục cho các trường phổ thông và mầm non cũng tương tự như bồi dưỡng giáo viên. Ngoài kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, cán bộ quản lý còn được bồi dưỡng kiến thức về quản lý, quản trị trường học.

2.2. Thách thức, bất cập trong sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam

Mặc dù đã đạt những thành tựu nhất định nhưng ở Việt Nam hiện nay vẫn còn một số hạn chế, bất cập, thách thức nhất định về công tác sử dụng, đãi ngộ, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp từ các trường sư phạm không có việc làm phù hợp với ngành được đào tạo khá đông. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì đến tháng 1/2017, Việt Nam thừa 26,700 giáo viên. Tuy vậy, tại một số khu vực xa xôi như miền núi và hải đảo thì tình trạng thiếu giáo viên vẫn còn xảy ra. Tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên vẫn còn tồn tại. Ở cấp học mầm non và phổ thông, số lượng giáo viên về cơ bản đã đủ theo định biên nhưng phân bố chưa đồng đều giữa các vùng miền. Tình trạng vừa thừa vừa thiếu “cục bộ” (nhất là về cơ cấu môn học) vẫn tồn tại ở các trường phổ thông, nhất là một số môn đặc thù như Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật... Mặc dù chính phủ đã có những chính sách tạo việc làm và thu hút giáo viên đến các khu vực này công tác nhưng tỷ lệ tham gia không cao vì điều kiện sinh hoạt khó khăn, sự phát triển nghề nghiệp bị hạn chế rất nhiều so với các khu vực thuận lợi khác. Vì vậy, cử nhân tốt nghiệp sư phạm vẫn tìm cách “bám trụ” ở thành phố hoặc khu vực thuận lợi hơn và làm những công việc hầu như không liên quan đến kiến thức và kỹ năng được đào tạo trong các trường sư phạm.

Một trong những bất cập hiện nay ở Việt Nam là không có nhiều học sinh giỏi đăng ký tham gia học vào các trường đại học và cao đẳng sư phạm. Vì thế, trong tương lai rất khó để tạo ra một thế hệ giáo viên tốt để giảng dạy cho học sinh phát triển về trí tuệ và các kỹ năng cuộc sống khác. Đây là một thách thức mà chính phủ Việt Nam đang tìm cách để vượt qua. Nguyên nhân của tình trạng này được cho là thu nhập của giáo viên thấp hơn rất nhiều so với những cử nhân ngành khác cùng trình độ và thời gian đào tạo. Mặc dù chính phủ có những gói tài chính hỗ trợ như miễn hoàn toàn học phí, cấp học bổng và có chính sách thu hút cử nhân tốt nghiệp sư phạm đến công tác tại khu vực xa xôi nhưng hiện tại vẫn chưa thể giải quyết được bài toán này.

Chính phủ đã quan tâm dành tỷ lệ ngân sách đáng kể cho phát triển giáo dục (khoảng 20% ngân sách) nhưng do tổng chi ngân sách của Việt Nam ở mức thấp nên sự đầu tư đó vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển giáo dục. Nguồn tài chính từ trung ương cấp cho địa phương, cơ sở giáo dục cũng chỉ mới đủ để trả lương (khoảng 80% ngân sách), tỷ lệ ngân sách còn lại chi cho hoạt động hành chính, tu sửa cơ sở vật chất, các sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn. Vì vậy, chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông chưa được cao theo như mong đợi.

Chương trình đào tạo mặc dù đã được cải tiến cố gắng đáp ứng theo kịp sự phát triển của xã hội nhưng phần nào vẫn còn lạc hậu. Các nội dung giảng dạy đang hướng tới trang bị tri thức hơn là việc hình thành năng lực nghề nghiệp. Vì vậy, sinh viên sư phạm mặc dù bằng cấp đạt loại ưu hoặc khá nhưng trong thời gian đầu của việc tiếp cận nghề nghiệp vẫn còn những lúng túng nhất định. Khối lượng kiến thức về lý thuyết vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chương trình đào tạo.

Giảng viên các trường sư phạm hiện nay đang phải đối mặt với thách thức của cách mạng công nghệ 4.0 đang hiện hữu và có tốc độ ảnh hưởng ghê gớm. Họ đang lúng túng để chuẩn bị cho sự ảnh hưởng này đối với nghề nghiệp. Nếu không được trang bị về tri thức, công cụ, năng lực thì họ rất khó thích ứng và trụ vững trong thời đại cách mạng này. Điều này chắc chắn ảnh hưởng đến năng lực giảng dạy cho sinh viên sư phạm.

2.3. Giải pháp khắc phục

Để cải thiện những bất cập như đã nêu ra ở trên, chính phủ cần thực hiện các giải pháp đồng bộ và triệt để như sau:

Điều chỉnh lại chính sách việc làm đối với cử nhân tốt nghiệp ngành sư phạm.

Hiện nay, ở Việt Nam, ngoài việc hỗ trợ học phí, học bổng thì sau khi tốt nghiệp, cử nhân sư phạm tự tìm việc làm chứ không có sự trợ giúp từ chính phủ. Trong khi đó, hệ thống giáo viên đã được phân định theo tiêu chuẩn của từng vùng miền nhất định nên đã xảy ra hiện tượng thừa và thiếu cục bộ. Điều chỉnh chính sách nên theo hướng hỗ trợ học phí, học bổng cho sinh viên ngành sư phạm và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như có các chế độ đại ngộ khác. Bên cạnh chính sách đang hiện hành hiện nay thì bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp một mặt sẽ tạo ra sự hấp dẫn đối với học sinh, từ đó sẽ có cơ hội tuyển chọn học sinh ưu tú vào học các trường sư phạm đồng thời tạo tâm thế yên tâm công tác cho cử nhân tốt nghiệp sư phạm.

Hệ thống các trường sư phạm cần được cấu trúc lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn.

Chính phủ cần mạnh dạn loại bỏ một số trường sư phạm yếu kém về đội ngũ, chất lượng đào tạo. Đầu tư về mọi nguồn lực cho hai trường sư phạm trọng điểm và các trường vệ tinh (các trung tâm đào tạo giáo viên) để các trường phát huy được thế mạnh của mình. Các trường sư phạm không nên đào tạo đa ngành như hiện nay mà nên chú ý tập trung vào sứ mệnh của mình là đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nên được chuyển và tập trung vào một đầu mối là Học viện Quản lý giáo dục.

Chương trình đào tạo và hình thức đào tạo sinh viên sư phạm nên tham khảo và kế thừa có chọn lọc các trường sư phạm của các nước tiên tiến trên thế giới.

Gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa lý thuyết và thực hành. Xác định chuẩn đầu ra cụ thể cho từng lĩnh vực chuyên môn đào tạo. Nên chăng đào tạo sinh viên sư phạm theo hình thức 3 + 1, tức là 3 năm đầu sinh viên học về các kiến thức khoa học chuyên ngành, năm cuối học chuyên về giáo dục pháp, thực hành nghề nghiệp? Mô hình đào tạo sinh viên sư phạm hiện nay ở các trường sư phạm (ngoại trừ Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội) là sinh viên học 4 năm liên tục có xen lẫn cả chương trình nghiệp vụ sư phạm trong quá trình học chuyên môn sâu. Hình thức này có ưu điểm là sinh viên được “trải nghiệm” liên tục trong môi trường sư phạm xuyên suốt 4 năm, nhưng có hạn chế là năng lực về giáo pháp, nghiệp vụ sư phạm.

Phương pháp giảng dạy của giảng viên của các trường sư phạm nên được chuyển từ truyền thụ tri thức sang hướng hình thành, xây dựng và tăng cường năng lực cho sinh viên.

Đặc biệt quan trọng hơn là cần hình thành năng lực “cách dạy về phương pháp học” cho sinh viên sư phạm. Bởi vì, sinh viên sư phạm sẽ là những giáo viên trong tương lai, họ cần có phương pháp để giúp học sinh của họ có phương pháp học, lĩnh hội tri thức của nhân loại.

Chính phủ cần đầu tư nguồn lực về tài chính cho giáo dục, cụ thể hơn là cho công tác đào tạo giáo viên nhiều hơn nữa. Hiện nay, kinh phí đang được phân bổ theo hình thức tính trên số lượng sinh viên sư phạm của mỗi trường. Kinh phí này mới chỉ đủ một phần trang trải trong đào tạo sinh viên chứ chưa hỗ trợ các trường sư phạm trong việc tăng cường năng lực cho người dạy (giảng viên), đặc biệt là nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nói chung và lĩnh vực đào tạo giáo viên nói riêng. Tranh thủ và sử dụng triệt để những thế mạnh, kinh nghiệm quý báu của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

Tích cực ứng dụng những thành tựu của loài người về công nghệ thông tin giúp cho việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được tốt hơn, hiệu quả cao hơn.

3. Cơ hội hợp tác với các quốc gia Bắc Âu

Trên cơ sở nhận diện những thành tựu, khó khăn, thách thức, đề xuất các giải pháp đồng thời sau khi tìm hiểu nền giáo dục của các nước Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, chúng tôi cho rằng, cơ hội hợp tác với các quốc gia này đang mở ra với Việt Nam, không chỉ trong đào tạo bồi dưỡng giáo viên mà còn trong lĩnh vực đào tạo cán bộ quản lý, quản trị trường học.

Tăng cường cơ hội trao đổi, giao lưu về học thuật giữa các trường đại học, cao đẳng về đào tạo sinh viên sư phạm. Tạo điều kiện để các nhà khoa học của các quốc gia có điều kiện chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm đúc kết được. Các hình thức tổ chức có thể là hội thảo khoa học...

Hợp tác giữa các trường sư phạm trong nghiên cứu khoa học về lĩnh vực giáo dục, sư phạm, người học hay phương pháp giảng dạy.

Trao đổi sinh viên sư phạm giữa các trường sư phạm để sinh viên có cơ hội cọ xát, tìm hiểu những thành tựu mới trong lĩnh vực nghề nghiệp, giáo học pháp.

Chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, chương trình đào tạo và mô hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, quản trị nhà trường. Hình thành các câu lạc bộ xuyên quốc gia về các trường sư phạm để dễ dàng trao đổi và hỗ trợ nhau trong quá trình đào tạo giáo viên.

4. Kết luận

Các nước Bắc Âu được xem là các quốc gia có nền giáo dục phát triển cao trên thế giới. Hệ thống giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển con người toàn diện và có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường sống. Các nghiên cứu về khoa học giáo dục của các nước phát triển có những thành tựu đi trước chúng ta, có một khoảng cách rất lớn. Giáo dục luôn song hành, phát triển trên nền tảng văn hóa. Do đó, khi triển khai những chương trình, phương pháp từ bên ngoài, cần thiết phải xét tính phù hợp và khả năng thích ứng của yếu tố văn hóa và con người cũng như các điều kiện triển khai. Nghiên cứu này là một trong các cơ sở khoa học cho những giải pháp giúp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại Việt Nam trong thời gian tới đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Chính, Phạm Thị Nga (2017), *Phát triển chương trình giáo dục trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 2.
- [2] Đinh Quang Báo (2014), *Giải pháp đổi mới chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học theo học chế tín chỉ*, Đề tài NCKH cấp Bộ, MS B2011-17-CT03.
- [3] Pasi Sahalberg (2016), *Bài học Phần Lan*, Nxb Alphabook's.
- [4] *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020*, Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/6/2012.
- [5] Trần Hữu Hoan (2017), *Xây dựng khung năng lực đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 2.

ABSTRACT

Teacher education and training in nordic countries and implications for Vietnam

Nordic countries have widely recognized as developed education systems in the world. Among which, Finland, Denmark and Sweden are viewed as some of countries with the most successful and advanced education systems. These education systems aims at developing well-rounded citizens who are highly adaptable to the changes in living conditions and environment. Therefore, education and training of teachers gain special attention from the government and systematically designed. This writing studies the education form and training modes for teachers in Nordic nations, then, reveals applicable implications for Vietnam context.

Keywords: *Advanced education, education and training of teachers, Nordic education.*